TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2023
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Trường
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mua
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp Mỹ Th, xã Mỹ Thạnh Tr, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn D, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp Mỹ Th, xã Mỹ Thạnh Tr, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà M và ông D được mai mối, sau đó tự tìm hiểu được vài tháng và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 27/11/1995 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Tr, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, ông D hay nhậu không lo làm ăn và nhiều lần đánh bà nên không thể tiếp tục chung sống được nữa, hiện nay ông bà đã sống ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay. Trong khoảng

thời gian sống ly thân, ông bà không còn quan tâm thăm hỏi cuộc sống của nhau. Nay bà M yêu cầu ly hôn vì xác định không còn tình cảm với ông Dương.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà M và ông D có 03 con chung tên Lê Hoàng Nh, sinh ngày 16/4/1997, Lê Hoàng N, sinh ngày 14/10/1995 và Lê Hoàng Nh1, sinh ngày 09/8/2008. Khi ly hôn bà M yêu cầu nuôi cháu Nh, không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi cháu Nh. Riêng cháu Nh và cháu N đã trưởng thành, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông bà M thay đổi ý kiến đã trình bày về con chung, bà M yêu cầu giao cháu Lê Hoàng Nh, sinh ngày 09/8/2008 cho ông D nuôi dưỡng, bà M không cấp dưỡng nuôi cháu Nh; riêng tên Lê Hoàng Nh1, sinh ngày 16/4/1997, Lê Hoàng N, sinh ngày 14/10/1995 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các nội dung khác bà M vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và không bổ sung gì khác.

- Bị đơn ông Lê Văn D không có văn bản trả lời thông báo của Tòa án, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, ông D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện Tam Bình được thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Bà M và ông D tự tìm hiểu thì đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 27/11/1995 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Tr, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại Tòa, bà M xác định mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, ông D hay nhậu không lo làm ăn và nhiều lần đánh bà nên tình cảm vợ chồng không còn chung sống hạnh phúc được vì vậy bà M yêu cầu ly hôn với ông D.

Xét bà M và ông D có một khoảng thời gian dài sống ly thân. Trong khoảng thời gian này, bà M xác định ông bà không còn quan tâm thăm hỏi, chăm sóc cuộc sống của nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông D tham gia hòa giải nhiều lần để các bên tháo gỡ những mâu thuẫn nhưng ông D không tham dự và cũng không trình bày ý kiến phản bác đối với yêu cầu xin ly hôn của bà M. Mặc khác, tại Tòa bà M xác định trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn thì bà M vẫn không thể tiếp tục chung sống với ông D được nữa. Do đó theo lời trình bày của bà M có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M là phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà M xác định ông bà có 03 con chung tên Lê Hoàng Nh, sinh ngày 16/4/1997, Lê Hoàng N, sinh ngày 14/10/1995 và Lê Hoàng Nh1, sinh ngày 09/8/2008. Bà Mai yêu cầu giao cháu Nh1 cho ông D nuôi dưỡng, bà Mai không cấp dưỡng nuôi cháu Nh1; riêng Nh và N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét điều kiện nuôi con: Xét việc bà M yêu cầu giao cháu Nh1 cho ông D nuôi dưỡng nhằm để cháu phát triển tốt về mọi mặt, mặc khác từ khi ông bà sống ly thân cháu Nh1 do ông D nuôi dưỡng cho đến nay cũng phát triển tốt. Do đó, để đảm bảo cho việc học tập, vui chơi và để đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý vì vậy tiếp tục giao cháu Nh1 cho ông D nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Riêng Hoàng Nh và Hoàng N đã trưởng thành, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà M không cấp dưỡng nuôi con cháu Nh1, ông D cũng không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, ông D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M. Cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Lê Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Nh1, sinh ngày 09/8/2008 cho ông D nuôi dưỡng và giáo dục, bà M không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nh1. Riêng Lê Hoàng Nh, sinh ngày 16/4/1997, Lê Hoàng N, sinh ngày 14/10/1995 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà M được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp ngày 07/3/2023 theo biên lai thu số N_0 0011276 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB thành tiền án phí. Bà M đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Minh Trường

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.